

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 4 - 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trần Phúc;
2. Ông Huỳnh Thanh Nhân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ Thư, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử công khai vụ án thụ lý số: 430/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 09, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị N và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2018, đến ngày 20/9/2019 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, năm 2020 chị đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn, nhưng anh Đ né tránh không đến Tòa án để giải quyết, chị vì muốn hàn gắn nên rút đơn khởi kiện cho anh Đ cơ hội sửa chữa, nhưng giữa hai vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, bất hòa trong gia đình, anh Đ không còn quan tâm đến chị, mạnh ai nấy sống không có tiếng nói chung. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh Đ, chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 19/5/2019. Chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, vì từ trước đến nay anh Đ không đưa tiền cho chị nuôi con và lo cho hạnh phúc gia đình.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nợ ai, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành Đ vắng mặt không có ý kiến trình bày:

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Đ như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh Đ; Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung; Nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị N và anh Đ tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai bên không cùng chung quan điểm, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tháng 6 năm 2022 chị N đã nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn vợ chồng đoàn tụ theo Quyết định đình chỉ vụ án số 87/2022/ QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T. Nay chị N tiếp tục nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, nhưng quá

trình giải quyết vụ án anh Đ không đến Tòa án để hòa giải với chị N, cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh Đ không mang lại hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn Thành L, sinh ngày 19/5/2019. Hiện nay con chung đang sống cùng chị N, do đó cần tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C tỉnh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo qui định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N. Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Thành Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 19/5/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thành Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017953 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hương

Nội nhận:

- Phòng NV- TAND tỉnh T;
- VKSND h. C, tỉnh T;
- Chi cục THADS h. C. Tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (Hg).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hương

